

CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

MỤC LỤC

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

	Trang
31-5-1963 — Nghị định số 78-CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	305
1-6-1963 — Nghị quyết số 79-CP về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc	307
3-6-1963 — Nghị định số 82-CP về việc phân chia các ngành trong nền kinh tế quốc dân	312

3-6-1963 — Thông tư số 48-TTg về việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật bảo đảm quyền sở hữu về tư liệu sản xuất ở nông thôn	Trang 313
---	--------------

CÁC BỘ

BỘ GIÁO DỤC

27-5-1963 — Thông tư số 36-TT về thủ tục xét duyệt tốt nghiệp ở các trường Đại học	316
--	-----

BỘ NỘI VỤ

27-5-1963 — Quyết định số 116-NV về việc cho phép Tổng hội Y học Việt-nam thành lập hội Y sinh hóa Việt-nam	318
---	-----

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 78-CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 136-CP ngày 29 tháng 9 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ủy ban thanh tra của Chính phủ;

Theo đề nghị của ông Tổng thanh tra Ủy ban thanh tra của Chính phủ;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 22-5-1963.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Ban thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan của Ủy ban hành chính cấp đó, có trách nhiệm giúp Ủy ban hành chính trong việc giữ gìn kỷ luật Nhà nước, bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách, chế độ của Nhà nước ở địa phương bằng cách thường xuyên thanh tra việc chấp hành các chủ trương, chính sách,

chế độ ấy trong các Ủy ban hành chính, các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp, các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh, các hợp tác xã thuộc quyền lãnh đạo của Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp của trung ương hoạt động ở địa phương theo sự ủy quyền của Ủy ban hành chính cấp mình.

Điều 2. — Ban thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhiệm vụ:

1. Thanh tra việc chấp hành những nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư, chỉ thị của cơ quan Nhà nước cấp trên và những quyết định, chỉ thị của Ủy ban hành chính cấp mình;

2. Thanh tra việc thực hành cần kiệm xây dựng đất nước, chống quan liêu, lãng phí, tham ô;

3. Thanh tra việc xét, giải quyết các việc do nhân dân khiếu nại, tố giác; trực tiếp xét, giải quyết những vụ khiếu nại, tố giác cần thiết;

4. Hướng dẫn, giúp đỡ về nghiệp vụ cho các tổ chức thanh tra của các ngành, các tổ chức, kiểm tra của xí nghiệp và các tổ kiểm soát của hợp tác xã trong địa phương mình.

Điều 3. — Ban Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền hạn như sau:

1. Khi thanh tra việc chấp hành những chủ trương, chính sách, chế độ nào đó trong một cơ quan, đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp, hoặc khi trực tiếp xét một việc khiếu tố, Ban Thanh tra nhận xét, kết luận về ưu, khuyết điểm trong công tác của cơ quan, đơn vị hữu quan về việc ấy, đề ra kiến nghị đề cơ quan, đơn vị đó sửa chữa khuyết điểm, đồng thời báo cáo cấp trên của cơ quan, đơn vị đó biết.

Cơ quan, đơn vị được thanh tra có trách nhiệm nghiên cứu những kiến nghị của Ban Thanh tra, thi hành các biện pháp để sửa chữa khuyết điểm của mình và báo cáo kết quả việc sửa chữa cho Ban Thanh tra theo thời gian mà Ban Thanh tra đề ra trong kiến nghị; nếu không đồng ý với những kiến nghị ấy, thì phải báo ngay cho Ban Thanh tra biết để trình lên cấp trên có thẩm quyền giải quyết.

2. Khi cần thiết, Ban Thanh tra có thể tổ chức thẩm tra lại nhằm đôn đốc cơ quan, đơn vị được thanh tra thi hành tốt các kiến nghị đã đề ra.

3. Đối với những tổ chức hay cá nhân có thành tích, gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, chế độ của Nhà nước, đáng được khen thưởng, cũng như đối với

những tổ chức hay cá nhân phạm lỗi hoặc vi phạm pháp luật Nhà nước cần xử lý, Ban Thanh tra đề nghị lên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

4. Trong khi thanh tra các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp do chính quyền địa phương quản lý, Ban Thanh tra có quyền tạm thời đình chỉ những việc đang gây, hoặc sắp gây thiệt hại lớn cho tài sản Nhà nước và quyền lợi của nhân dân; tạm thời đình chỉ công tác của cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước phạm lỗi nặng thuộc phạm vi quản lý của địa phương đồng thời báo cáo ngay với Ủy ban hành chính.

5. Trong khi thanh tra, Ban Thanh tra có quyền yêu cầu các cán bộ, công nhân, viên chức của cơ quan, đơn vị được thanh tra báo cáo tình hình, cung cấp tài liệu, sổ sách cần thiết cho công tác thanh tra; yêu cầu cơ quan, đơn vị đó hoặc cơ quan hữu quan khác cử cán bộ tham gia công tác thanh tra. Trong thời gian thanh tra, số cán bộ này thuộc sự chỉ đạo của Ban Thanh tra.

Ban Thanh tra có quyền triệu tập hoặc đề nghị Ủy ban hành chính triệu tập các cuộc hội nghị cần thiết cho công tác thanh tra; có quyền tham dự các cuộc hội nghị có liên quan đến công tác thanh tra.

Điều 4. — Ban Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính cấp mình, chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ và hướng dẫn công tác của Ủy ban Thanh tra của Chính phủ.

Điều 5. — Ban thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do một Trưởng ban thanh tra phụ trách. Giúp Trưởng ban thanh tra có Phó ban thanh tra và một số Ủy viên thanh tra.

Việc bổ nhiệm các Trưởng ban thanh tra; Phó ban thanh tra và Ủy viên Ban thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ủy ban hành chính cấp đó đề nghị, Tổng thanh tra Ủy ban thanh tra của Chính phủ quyết định.

Điều 6. — Tổ chức bộ máy của Ban thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ủy ban hành chính cấp đó quyết định theo sự hướng dẫn của Ủy ban thanh tra của Chính phủ và Bộ Nội vụ.

Điều 7. — Nay bãi bỏ nghị định số 1194-TTg ngày 26 tháng 12 năm 1956 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc thành lập các Ban thanh tra ở các liên khu, khu, thành phố, tỉnh.

Điều 8. — Ông Tổng thanh tra Ủy ban thanh tra của Chính phủ, ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 31 tháng 5 năm 1963

T.M. Hội đồng Chính phủ
Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ QUYẾT số 79-CP về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc.

Thi hành nghị quyết của Quốc hội kỳ họp lần thứ 10 và dựa trên cơ sở điều lệ mẫu hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp của Chính phủ đã ban hành, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc nước ta đã có nhiều chuyển biến tốt.

Từ cuối năm 1960 đã căn bản hoàn thành việc đưa nông dân vào các hợp tác xã bậc thấp. Trong năm 1961 và đầu năm 1962 việc đưa các hợp tác xã lên quy mô thôn ở trung du và đồng bằng cũng đã căn bản xong: tổ chức hợp tác xã đã bắt đầu được ổn định. Các hợp tác xã đã thu được một số kinh nghiệm và tiến bộ về công tác quản lý, nhờ đó đã thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp phát triển trên nhiều mặt như làm thủy lợi, tăng vụ, khai hoang, bước đầu áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất... góp phần hạn chế các khó khăn do thời tiết gây nên trong các năm qua. Trong mỗi địa phương đều đã có những hợp tác xã tiên tiến, tăng được năng suất sản lượng nông sản hàng hóa, bảo đảm thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, nâng cao một phần thu nhập của xã viên và bước đầu xây dựng thêm được một số cơ sở vật chất kỹ thuật.

Song nhìn chung về mặt tăng năng suất, tăng thu nhập thì thành tích của các hợp tác xã chưa đều, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao. Năng suất trồng trọt và chăn nuôi có xu hướng dừng lại, thậm chí có nơi sút kém, vấn đề lương thực vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Những nguyên nhân chính gây ra tình hình trên là trình độ quản lý tuy có tiến bộ nhưng

còn kém, vấn đề cải tiến kỹ thuật sản xuất làm chưa tốt, sự phối hợp chỉ đạo của các cơ quan Nhà nước đối với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tuy đã có những chuyển biến bước đầu nhưng chưa thực sự được tăng cường.

Kinh nghiệm của những hợp tác xã tiên tiến đã chứng minh rằng dù cho trong điều kiện cơ sở vật chất và kỹ thuật nói chung còn thấp kém, nhưng nếu quản lý tốt và chú trọng cải tiến kỹ thuật từng bước thì vẫn phát huy được tính ưu việt của hợp tác xã so với lối làm ăn cá thể, làm cho sản xuất nông nghiệp có điều kiện phát triển khá mạnh, đem lại hiệu quả kinh tế cao, thay đổi được tình trạng sản xuất tự cấp tự túc thành sản xuất có nhiều hàng hóa.

Vì vậy, đề phát huy những thắng lợi đã đạt được, đề khắc phục những nhược điểm và khuyết điểm đã mắc phải, nhằm củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp về mọi mặt, đồng thời dựa vào những kinh nghiệm của cuộc vận động hợp tác hóa và sản xuất mấy năm qua và kinh nghiệm làm thủ tục cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật của 1.102 hợp tác xã ở các tỉnh trung du và đồng bằng, Hội đồng Chính phủ quyết định mở cuộc vận động lấy tên là "cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc" ở tất cả các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong thời gian ba năm từ năm 1963 đến 1965.

Cuộc vận động này thực chất là một cuộc cách mạng về tư tưởng, về tổ chức sản xuất và kỹ thuật, làm cho các hợp tác xã đều có khả năng quản lý tốt, tức là quản lý xã hội chủ nghĩa nền kinh tế tập thể, kết hợp chặt chẽ cải tiến quản lý với cải tiến kỹ thuật, do đó mà quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn được hoàn thiện, sức sản xuất được phát triển. Hoàn thành cuộc vận động này, chúng ta sẽ thu được thắng lợi to lớn trên mặt trận nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp sẽ được củng cố, việc cải tiến kỹ thuật sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ, sản xuất nông nghiệp sẽ phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc làm cơ sở để phát triển công nghiệp.

**I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU
VÀ TIẾN TRÌNH CUỘC VẬN ĐỘNG**

a) Mục đích:

Cải thiện đời sống của nông dân xã viên và của nhân dân nói chung, tăng cường lực lượng của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và đảm